

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 14 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thiều Phương.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST-HS, ngày 12 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/HSST-QĐ ngày 14/12/2020, đối với các bị cáo:

1. Nông Văn D, sinh ngày 07 tháng 4 năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Bản Q, xã Đ, huyện Trảng Đ, tỉnh Lạng Sơn; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nông Văn T1 và bà Nông Thị T – Là bị cáo trong vụ án; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/8/2020 đến nay, có mặt.

2. Nông Thị T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1968, tại huyện Trảng Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Bản Q, xã Đề T, huyện Trảng Định; giới tính: Nữ; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; con ông Bế Văn B, (đã chết) và bà Nông Thị T; có chồng là Nông Văn T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Anh Mã Văn T2, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Bản Q, xã Đề T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nông Văn T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Bản Q, xã Đề T, huyện Tràng Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/8/2020, Nông Văn D một mình đi bộ từ nhà sang nhà anh Mã Văn T2 chơi, khi đến nhà thấy cửa nhà anh Mã Văn T khóa bên ngoài và bị cáo biết không có ai ở nhà nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo quay lại nhà cũ lấy một con dao bằng kim loại màu đen dài 39cm, bản rộng 4,7cm có tra cán gỗ dài 05cm rồi quay lại nhà anh Tuyên để cạy cửa, phá khóa nhà anh Tuyên. Sau khi phá khóa vào nhà, bị cáo dùng bật lửa có gắn đèn pin soi lục tìm tài sản nhưng không lấy được gì, nhưng phát hiện trên kệ có ti vi nhãn hiệu Sony màu đen trong phòng khách, bị cáo rút ổ cắm nguồn tivi và cho cả tivi và ổ cắm vào bao tải mang về nhà cũ của D.

Biết bà Nông Thị T là mẹ đẻ của bị cáo có nhu cầu muốn mua một chiếc Tivi cũ để gia đình sử dụng nên sáng ngày 05/8/2020, bị cáo nói với bà T là “có cái Tivi chúng nó ăn trộm về có mua không” thì bà T trả lời “xem rẻ thì mua” thì bị cáo nói “Người ta bán với giá 1.100.000đ đến 1.200.000đ” thấy giá cả hợp lý nên bà T nhất trí mua Tivi mà D trộm cắp được với giá 1.100.000đ. Khoảng 20 giờ ngày 05/8/2020 bị cáo D điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 12F5-2671 chở bị cáo T đến nhà cũ của gia đình tại thôn Khau Nim, xã Đề T rồi bê chiếc Tivi cùng dây cắm nguồn mang về. Đến ngày 06/8/2020 bị cáo T đưa cho bị cáo D 1.100.000đ tiền mua Tivi, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 37/HĐ ĐGTS ngày 12/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng huyện Tràng Định kết luận chiếc Tivi Sony 32 Inch màn hình phẳng màu đen đã qua sử dụng kèm theo ổ cắm nguồn Tivi có giá trị 3.000.000đ. Ngày 19/8/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Tràng Định đã trả lại cho bị hại anh Mã Văn T2 một Tivi nhãn hiệu SONY màn hình phẳng loại 32 inch và ổ cắm nguồn.

Cáo trạng số 51/CT-VKSTĐ ngày 09/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định đã truy tố bị cáo Nông Văn D tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của BLHS và bị cáo Nông Thị T về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nông Văn D và bị cáo Nông Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; bị hại thừa nhận lời khai của bị

cáo là đúng xác nhận đã nhận đầy đủ tài sản mà bị cáo đã trộm cắp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị T; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo và áp dụng khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo T;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn D từ 06 đến 09 tháng tù giam; xử phạt bị cáo Nông Thị T từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch T tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng. Tịch T số tiền từ bị cáo do phạm tội mà có. Về áp dụng hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hứa sẽ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước và mong sớm về với gia đình, cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng, ngày 08/12/2020, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để T thập thêm tài liệu chứng cứ bằng biện pháp định giá lại tài sản theo Quyết định định giá lại tài sản số 01/YCĐGTS-TA ngày 08/12/2020. Đến ngày 14/12/2020 chưa có kết quả định giá lại tài sản, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 08/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn có kết luận định giá lại tài sản số 32/KL-HĐĐGTS, kết luận giá trị tài sản trộm cắp trong vụ án là 2.200.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Trảng Định đã ra Thông báo kết quả định giá lại tài sản cho người bị hại, bị cáo và giao tài liệu cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định theo đúng quy định. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với giá trị tài sản quy kết đối với bị cáo là 2.200.000 đồng nhưng vẫn trong khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hành vi cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn D và bị cáo Nông Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

với giá trị tài sản là 2.200.000 đồng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định rút một phần truy tố về giá trị tài sản trộm cắp định giá được. Lời khai nhận này phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nông Văn D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Thị T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng hành vi của bị cáo Nông Văn D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của Nông Thị T xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bản thân các bị cáo đều đủ tuổi để nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, điều rất lấy làm tiếc là bị cáo trộm tài sản của người khác lại có hành vi gian dối và bán cho chính mẹ đẻ của mình, bị cáo Nông Thị T biết rõ tài sản trộm cắp mà có lại bất chấp quy định của pháp luật, ham rẻ mà mua. Để có mức án phù hợp với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa từng bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xét xử, do đó các bị cáo được coi là có nhân thân tốt; về tình tiết tăng nặng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều nhất thời phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu Tộc trưởng hợp ít nghiêm trọng, mặt khác bị cáo Nông Thị T có chồng thờ cúng liệt sỹ, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét giảm phần nào trách nhiệm hình sự.

[6] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với tính chất hành vi, khả năng cải tạo với nhân thân của các bị cáo, nhưng vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo Nông Văn D ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung; đối với bị cáo Nông Thị T, là mẹ đẻ của bị cáo, lẽ ra cần phải xử phạt bị cáo mức án phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhưng vì đây là hai mẹ con trong một gia đình nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào trách nhiệm và áp dụng mức án phù hợp vừa để giáo dục vừa để răn đe cũng như cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về điều kiện kinh tế của bị cáo không sở hữu tài sản riêng, nghề nghiệp các bị cáo đều không ổn định. Do đó,

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Đối với Nông Văn T1 là chồng của bị cáo, không biết là vợ mua tivi là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: Về chiếc Tivi Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường và giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội không có giá trị cần tịch T tiêu hủy. Tịch T từ bị cáo số tiền do bị cáo phạm tội mà có. Đối với chiếc xe máy, không xác định bị cáo dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp cần trả lại cho bị cáo.

[10] Cần kiến nghị các cơ quan liên quan trong việc kiểm sát hoạt động định giá tài sản trong tố tụng, cũng như kiến nghị cơ quan chủ quản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Trảng Định, cần chấn chỉnh trong công tác định giá tài sản cũng như đầu tư chuyên môn trong lĩnh vực định giá tài sản trong tố tụng, để đảm bảo pháp luật cần được áp dụng thống nhất và kiến nghị này sẽ có văn bản riêng gửi đến các cơ quan liên quan.

[11] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt, xử lý vật chứng, phần bồi thường đối với các bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[12] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn D; áp dụng Điều 36; khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị T; áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nông Thị T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Xử phạt bị cáo Nông Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/8/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nông Thị T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nông Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đề T, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với

chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khẩu trừ T nhập đối với bị cáo.

Cấm bị cáo xuất cảnh qua biên giới trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Xử lý vật chứng: Tịch Thu tiêu hủy một dao bằng kim loại màu đen dài 39 cm bản rộng 4,7cm có tra cán gỗ dài 05cm đã qua sử dụng và một bao tải màu nâu vàng;

Trả cho bị cáo một xe mô tô nhãn hiệu Venina, màu sơn nâu, biển kiểm soát 12F5-2671.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định)

3. Áp dụng biện pháp tư pháp: Tịch Thu từ bị cáo số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ CA huyện);
- Bị hại (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bẩy